

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày: 26-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu

Ông Hà Đức Hữu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thọ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2018/TLST-HS, ngày 06 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Mai S, sinh ngày 19 tháng 6 năm 1974; Nơi sinh: Xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKKHKT: Khu 07, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu 15, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Kỹ sư thủy lợi; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng); Con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Mai Thị C, sinh năm 1950; Có vợ là Lê Thị Thùy D, sinh năm 1982 và 02 con (Con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/3/2017, đến ngày 23/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện đang bị áp dụng biện pháp “Bảo lãnh”. Có mặt

- Nguyên đơn dân sự:

Công ty TNHH K

Địa chỉ: Khu 01, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ninh Duy T - Chức vụ: Phó Giám đốc. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Thùy D1, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Khu 15, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

+ Người làm chứng:

- Bà Vũ Thị Thu H1, sinh năm 1969, Kế toán Xí nghiệp T.

Nơi cư trú: Khu 15, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt
 - Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1968, Phó giám đốc Xí nghiệp T.
 Nơi cư trú: Xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt
 - Ông Nguyễn Hùng S2, sinh năm 1958, Cán bộ Chi cục thuế huyện Đ
 Nơi cư trú: Thôn 09, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt
 - Ông Trần Văn H2, sinh năm 1982, Phó giám đốc Xí nghiệp T.
 Nơi cư trú: Khu 12, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt
 - Ông Vương Đức H3, sinh năm 1972, Cán bộ phòng kinh tế Công ty K
 Nơi cư trú: Phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt
 - Ông Nguyễn Văn S3, sinh năm 1972, Trưởng phòng kế hoạch tổng hợp Công ty TNHH K
 Nơi cư trú: Tổ 36, phố T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt
 - Ông Nguyễn Văn D2, sinh năm 1964, Phó giám đốc Công ty TNHH K
 Nơi cư trú: Phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt
 - Ông Nguyễn Văn L, Phó giám đốc Công ty TNHH K
 Nơi cư trú: Phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt
 - Ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1952
 Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt
 - Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1972
 Nơi cư trú: Thôn 01, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt
 - Ông Hà Đức S4, sinh năm 1966
 Nơi cư trú: Khu 13, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt
 - Ông Nguyễn Mạnh K, sinh năm 1969
 Nơi cư trú: Thôn 12, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt
 - Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1956
 Nơi cư trú: Thôn 09, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt
 - Ông Đỗ Thế L3, sinh năm 1960
 Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt
 - Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1954
 Nơi cư trú: Khu 12, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt
 - Ông Nguyễn Tiến X, sinh năm 1967
 Nơi cư trú: Thôn 06, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt
 - Ông Nguyễn Mạnh H5, sinh năm 1954
 Nơi cư trú: Khu 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt
 - Ông Nguyễn Văn S5, sinh năm 1962
 Nơi cư trú: Thôn 08, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH K (trong vụ án này gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Trụ sở của Công ty đóng tại khu 1, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Công ty đăng ký 12 ngành nghề kinh doanh, trong đó có ngành nghề: Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa,

bổ sung hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi, đại tu, nâng cấp lắp đặt trạm bơm...

Trạm thủy nông Đoàn Hùng được thành lập theo Quyết định số 48/QĐ-TC ngày 22/6/2007 là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty. Đến ngày 29/6/2015 đổi tên thành Xí nghiệp thủy nông T theo Quyết định số 148/QĐ-CT. Xí nghiệp có nhiệm vụ sửa chữa các công trình thủy lợi phục vụ tưới, cấp nước cho diện tích đất nông nghiệp được giao trên địa bàn huyện Đoàn Hùng theo sự phân công của Giám đốc Công ty.

Nguyễn Mai S được Công ty bổ nhiệm giữ chức vụ Trạm trưởng Trạm thủy nông Đoàn Hùng kể từ ngày 01/7/2007, đến ngày 01/3/2014 được điều chuyển nhận công tác và giữ chức vụ: Quyền trưởng phòng kỹ thuật kế hoạch - Công ty.

Hàng năm Công ty ủy quyền cho Trạm thủy nông Đoàn Hùng ký hợp đồng và tổ chức thi công các công trình sửa chữa thường xuyên trên địa bàn huyện Đoàn Hùng từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp bù do miễn thu thủy lợi phí.

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động và quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty quy định quy trình thi công các công trình sửa chữa thường xuyên được Trạm thủy nông Đoàn Hùng thực hiện như sau:

Trạm thủy nông Đoàn Hùng lập hồ sơ dự toán công trình và có tờ trình xin phê duyệt dự toán, thiết kế trình Công ty phê duyệt. Công ty căn cứ vào hồ sơ dự toán ra Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán kinh phí.

Trên cơ sở hồ sơ được phê duyệt, Trạm thủy nông Đoàn Hùng ký hợp đồng với các cá nhân, đơn vị và tổ chức thực hiện thi công công trình. Sau khi thi công xong, Công ty cử cán bộ cùng với Trạm thủy nông Đoàn Hùng và đơn vị thi công tiến hành nghiệm thu công trình và đưa vào sử dụng. Trạm thủy nông Đoàn Hùng chịu trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ quyết toán công trình và lập tờ trình xin duyệt quyết toán gửi Công ty. Phòng Kỹ thuật - Kế hoạch của Công ty tiến hành kiểm tra hồ sơ quyết toán. Sau khi kiểm tra trình Giám đốc công ty duyệt quyết toán công trình và tiến hành thanh toán kinh phí thi công đã được duyệt.

Trong quá trình thực hiện thi công các công trình sửa chữa thường xuyên trên địa bàn huyện Đoàn Hùng, Nguyễn Mai S đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao lập hồ sơ quyết toán nâng khống giá trị thi công các công trình so với giá trị thi công thực tế để quyết toán khống, lấy tiền từ ngân sách nhà nước cấp cho Công ty. Cụ thể như sau:

Từ tháng 8 năm 2013 đến tháng 02 năm 2014, Trạm thủy nông Đoàn Hùng đã lập 19 hồ sơ thiết kế thi công công trình sửa chữa, nạo vét kênh mương trên địa bàn huyện Đoàn Hùng. Nguyễn Mai S đã ký 19 hợp đồng thuê 11 cá nhân trên địa bàn huyện Đoàn Hùng để thi công gồm: Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1972 ở xã Đại Nghĩa; ông Đỗ Thế L3, sinh năm 1960, ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1952 đều ở tại xã Hùng Quan; anh Nguyễn Mạnh K, sinh năm 1969, anh Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1978, anh Nguyễn Tiến X, sinh năm 1967, ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1956 đều ở xã Vân Du; ông Nguyễn Mạnh H5,

sinh năm 1954, ông Hà Đức S4, sinh năm 1966, ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1954 đều ở xã Ngọc Quan; ông Nguyễn Văn S5, sinh năm 1962 ở xã Chân Mộng, huyện Đoan Hùng, Phú Thọ. Thực tế Nguyễn Mai S thuê 11 cá nhân trên thi công 16 công trình, 03 công trình còn lại do Trạm thủy nông Đoan Hùng giao cho cụm Vụ Quang và cụm Hữu Sông Lô thực hiện thi công trong số 19 công trình. Tuy nhiên, S vẫn ký tổng số 19 hợp đồng với tổng giá trị được công ty khai thác công trình thủy lợi Phú Thọ phê duyệt là 516.877.000 đồng. Số tiền chi trả cho 11 cá nhân thi công 16 công trình là 150.158.000đ. Sau khi thi công xong các công trình, đại diện Công ty khai thác thủy lợi Phú Thọ gồm ông Nguyễn Văn D2 - Phó giám đốc công ty, ông Nguyễn Văn L trưởng phòng kỹ thuật- kế hoạch, ông Vương Đức H3 cán bộ phòng Kinh tế, ông Nguyễn Văn S3 cán bộ phòng kỹ thuật- kế hoạch cùng Nguyễn Mai S và 11 cá nhân thi công tiến hành kiểm tra thực tế sau đó ký biên bản nghiệm thu bàn giao 19 công trình đưa vào sử dụng. Trạm thủy nông Đoan Hùng thanh toán cho 11 cá nhân thi công trên bằng tiền mặt (khi nhận tiền 11 người trên ký xác nhận trong sổ tay cá nhân của bà Vũ Thị Thu H1 kế toán Trạm thủy nông Đoan Hùng). Vì 11 cá nhân không có hóa đơn thanh toán với Trạm thủy nông Đoan Hùng, do đó khi làm thủ tục quyết toán 19 công trình, để hợp thức khối lượng hoàn thành và nâng khống giá trị thi công, Nguyễn Mai S đã chỉ đạo bà Vũ Thị Thu H1 kế toán Trạm thủy nông Đoan Hùng đến Chi cục thuế huyện Đoan Hùng làm thủ tục xin cấp 19 liên hóa đơn lẻ (hóa đơn bán hàng) với tổng doanh số 516.877.000đ để làm thủ tục quyết toán. Bà Vũ Thị Thu H1 cung cấp hợp đồng, thanh lý hợp đồng, giấy chứng minh nhân dân của 11 cá nhân trên cho ông Nguyễn Hùng S2 là cán bộ Chi cục thuế huyện Đoan Hùng để ông S2 làm thủ tục cấp hóa đơn. Sau khi được Chi cục thuế huyện Đoan Hùng cấp 19 liên hóa đơn bán hàng, bà Vũ Thị Thu H1 đưa lại cho ông Nguyễn Hồng P và ông Trần Văn H2 là cán bộ Trạm thủy nông Đoan Hùng là người được Nguyễn Mai S phân công làm cán bộ giám sát thi công để lập hồ sơ quyết toán 19 công trình. Căn cứ vào hồ sơ dự toán, thiết kế được Công ty duyệt cùng với các tài liệu như: Hợp đồng, hóa đơn, nhật ký thi công, bản vẽ thi công, ... ông P và ông H2 đã lập 19 bộ hồ sơ quyết toán công trình, (trong đó, ông P lập 07 hồ sơ, ông H2 lập 12 hồ sơ) nộp về Công ty và được Công ty duyệt quyết toán, thanh toán cho Trạm thủy nông Đoan Hùng giá trị 19 công trình là 516.877.000 đồng.

Với thủ đoạn như đã nêu trên, trong thời gian từ tháng 8/2013 đến tháng 7/2014, mặc dù Nguyễn Mai S chỉ thuê 11 cá nhân thi công 16 công trình và 03 công trình do Trạm thủy nông Đoan Hùng tự thi công với giá trị thanh toán thực tế là 150.158.000đ nhưng khi quyết toán Nguyễn Mai S đã lập hồ sơ nâng khống giá trị quyết toán 19 công trình từ 150.158.000đ lên thành 516.877.000đ, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước 366.719.000đ, cụ thể như sau:

- Năm 2013, có 06 công trình được phê duyệt và thi công với tổng giá trị được phê duyệt là 420.754.000đ. Thực tế chỉ thanh toán số tiền 124.500.000đ, nâng khống giá trị quyết toán 296.254.000đ, gồm:

Công trình nạo vét kênh dẫn bể hút trạm bơm Sóc Đăng khu 1, xã Đ, huyện Đ. Giá trị quyết toán 33.906.000đ.

Công trình nạo vét kênh dẫn bể hút trạm bơm Đồng Múc khu 1, xã P, huyện Đ. Giá trị quyết toán 23.830.000đ.

Công trình nạo vét kênh dẫn bể hút trạm bơm Ngòi Vải khu 1, xã Đ, huyện Đ. Giá trị quyết toán 119.199.000đ.

Công trình nạo vét kênh dẫn bể hút trạm bơm Cô Lua khu 1, xã Đ, huyện Đ. Giá trị quyết toán 189.884.000đ.

Công trình nạo vét kênh dẫn bể hút trạm bơm Đồng Táng khu 1, xã P, huyện Đ. Giá trị quyết toán 20.517.000đ.

Công trình nạo vét kênh dẫn bể hút trạm bơm Cây Châm khu 1, xã H, huyện Đ. Giá trị quyết toán 33.418.000đ.

Quá trình điều tra xác định, 06 công trình trên Nguyễn Mai S ký hợp đồng thuê anh Nguyễn Văn L2 nạo vét. Do các công trình nối tiếp nhau, khi thanh toán Trạm thủy nông Đoan Hùng không thanh toán dứt điểm từng công trình mà chỉ tạm ứng thanh toán nhiều lần cho ông L2. Do vậy không xác định được giá trị nâng khống từng công trình mà chỉ xác định Trạm thủy nông Đoan Hùng thanh toán tiền thi công thực tế 06 công trình cho anh Nguyễn Văn L2 số tiền 124.500.000đ, nâng khống giá trị quyết toán 296.254.000đ.

- Năm 2014, có 13 công trình được phê duyệt và thi công với tổng giá trị được phê duyệt là 96.123.000đ. Thực tế giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành là 25.658.000đ, nâng khống giá trị quyết toán 70.465.000đ.

Trong tổng số 13 công trình có 10 công trình Nguyễn Mai S thuê các cá nhân thi công. Giá trị quyết toán với công ty là 81.135.000đ. Giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành thực tế 25.658.000đ, nâng khống giá trị quyết toán 55.477.000đ, cụ thể:

Công trình nạo vét kênh dẫn bể hút trạm bơm Cầu Sóng 2 xã H, huyện Đ. Giá trị quyết toán là 13.884.000đ. Thực tế, ông Đỗ Thế L3 là người thi công được trả số tiền là 1.000.000đ. Như vậy, số tiền nâng khống là 12.884.000đ.

Công trình nạo vét kênh Nhà Cay, xã C, huyện Đoan Hùng. Giá trị quyết toán là 7.563.000đ. Thực tế, ông Nguyễn Văn S5 là người thi công được trả số tiền là 2.000.000đ. Như vậy số tiền nâng khống là 5.563.000đ.

Công trình nạo vét kênh Đập Đầu, xã N, huyện Đ. Giá trị quyết toán là 6.042.000đ. Thực tế, ông Nguyễn Văn N là người thi công được trả số tiền là 1.050.000đ. Số tiền nâng khống là 4.992.000đ.

Công trình nạo vét kênh Đập Đầu, xã N, huyện Đ. Giá trị quyết toán 7.133.000đ. Thực tế, ông Hà Đức S4 là người thi công được trả số tiền là 5.070.000đ. Số tiền nâng khống là 2.063.000 đồng.

Công trình nạo vét kênh Hồ Chòi, xã N, huyện Đ. Giá trị quyết toán là 5.830.000đ. Thực tế ông Nguyễn Mạnh H5 là người thi công được trả số tiền là 3.600.000đ. Số tiền nâng khống là 2.230.000đ.

Công trình nạo vét kênh hồ Trầm Cọ tuyến xuôi, xã V, huyện Đ. Giá trị quyết toán là 11.388.000đ. Thực tế, ông Nguyễn Văn T1 là người thi công được trả số tiền là 1.800.000đ. Số tiền nâng khống là 9.588.000đ.

Công trình nạo vét kênh hồ Nhà Giặc, xã V, huyện Đ. Giá trị quyết toán là 5.838.000đ. Thực tế, anh Nguyễn Tiến X là người thi công được trả số tiền là 2.300.000đ. Số tiền nâng khống là 3.538.000đ.

Công trình nạo vét kênh hồ Trầm Cọ tuyến ngược, xã V, huyện Đ. Giá trị quyết toán là 14.840.000đ. Thực tế, anh Nguyễn Khắc Đ1 là người thi công được trả số tiền là 2.660.000đ. Số tiền nâng không là 12.180.000đ.

Công trình nạo vét kênh hồ Trầm Cọ tuyến rẽ trái, xã V, huyện Đ. Giá trị quyết toán 3.750.000đ. Thực tế, anh Nguyễn Khắc Đ1 là người thi công được trả số tiền là 2.160.000đ. Số tiền nâng không là 1.590.000đ.

Công trình nạo vét kênh trạm bơm Cầu Sóng 1 xã H, huyện Đ. Giá trị quyết toán là 4.867.000đ. Thực tế, ông Nguyễn Văn H4 là người thi công được trả số tiền là 4.018.000đ. Số tiền nâng không là 849.000đ.

Đối với 03 công trình còn lại, Nguyễn Mai S giao cho cán bộ cụm Vụ Quang và cụm Hữu Sông Lô thuộc Xí nghiệp thủy nông T trực tiếp thi công (thực hiện nhiệm vụ đề được hưởng lương). Đề hợp thức thủ tục quyết toán với Công ty, Nguyễn Mai S đã ký 03 hợp đồng không với ông Nguyễn Mạnh K và anh Nguyễn Khắc Đ1 để quyết toán không 100% giá trị công trình. Tổng số tiền quyết toán không là 14.988.000đ, cụ thể:

Công trình nạo vét kênh dẫn bể hút trạm bơm Chí Đám, xã C, huyện Đ. Ký hợp đồng thi công trị giá 3.978.000đ với ông Nguyễn Mạnh K.

Công trình nạo vét kênh dẫn bể hút trạm bơm Đông Tiêm, xã H, huyện Đ. Ký hợp đồng thi công trị giá 6.240.000đ với ông Nguyễn Mạnh K.

Công trình nạo vét kênh hồ Trầm Cọ tuyến dưới xã Chí Đám - xã V, huyện Đ. Ký hợp đồng thi công trị giá 4.770.000đ với anh Nguyễn Khắc Đ1.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Mai S quyết toán không, lấy được tiền của ngân sách nhà nước trong 02 năm 2013, 2014 từ việc nâng không giá trị 19 công trình là 366.719.000đ (Ba trăm sáu sáu triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng). Toàn bộ số tiền này, Nguyễn Mai S không chi tiêu, sử dụng cho bản thân mà sử dụng chi tiêu công việc chung của Trạm thủy nông Đoàn Hùng. Cụ thể:

Chi đi tham quan du lịch trong hai năm 2013 và 2014 hết: 224.820.000đ.

Chi tiền tết cho cán bộ hết: 24.300.000đ.

Chi tiền ngày 8/3 hết: 1.350.000đ.

Chi mua đồ dùng thiết bị hết: 98.300.000đ.

Chi tiếp khách hết: 20.000.000đ.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Mai S cùng vợ là chị Lê Thị Thùy D1 đã nộp số tiền 366.720.900đ. Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Phú Thọ cũng đã trả lại số tiền này cho Công ty.

Tại bản cáo trạng số: 18/CT-VKS ngày 06/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ đã truy tố bị cáo Nguyễn Mai S về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm d khoản 2 Điều 165 của Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Mai S phạm tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 165, các điểm b, p, s khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015,

xử phạt bị cáo Nguyễn Mai S 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã giao trả cho Công ty số tiền là 366.720.900đ do bị cáo Nguyễn Mai S và gia đình nộp.

Bị cáo không tranh luận gì, thừa nhận và ăn năn hối hận với hành vi phạm tội của bản thân.

Đại diện Công ty cũng không tranh luận gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về căn cứ buộc tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ được và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nên có đủ cơ sở để kết luận:

Trong năm 2013, 2014 bằng thủ đoạn ký hợp đồng nâng không khối lượng công việc phù hợp với giá trị dự toán công trình được phê duyệt, Nguyễn Mai S là Trạm trưởng Trạm thủy nông T đã ký hợp đồng thi công 19 công trình nạo, vét, sửa chữa kênh dẫn nước, các trạm bơm trên địa bàn các xã thuộc huyện Đ với tổng giá trị 516.877.000đ. Số tiền này đã được Công ty duyệt chi và đã cấp tiền cho Trạm thủy nông Đoàn Hùng từ nguồn ngân sách Nhà nước, tuy nhiên số tiền thực tế chi trả để thực hiện 19 công trình là 150.158.000đ. Như vậy gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 366.719.000đ (Ba trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo là trái với quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, đã cấu thành tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” và phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999 như kết luận của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật. Điều luật quy định:

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây thiệt hại từ một trăm triệu đồng đến dưới ba trăm triệu đồng hoặc dưới một trăm triệu đồng, đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ một năm đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười hai năm:

.....

d) Gây thiệt hại từ ba trăm triệu đồng đến dưới một tỷ đồng hoặc gây hậu quả rất nghiêm trọng khác.

Ngoài việc bị cáo gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 366.719.000đ, tuy nhiên số tiền này bị cáo đã sử dụng chi cho hoạt động của cán bộ công nhân viên Xí nghiệp, nên bị cáo còn phải bị xét xử thêm tình tiết: “Vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 165 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[3]. Về tính chất của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý và các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế. Hành vi đó không chỉ làm suy yếu, mất lòng tin của một bộ phận nhân dân vào hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước, mà còn gây mất trật tự trị an và gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh. Mặc dù bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là trái quy định về quản lý kinh tế và sẽ gây thiệt hại đến tài sản Nhà nước nhưng vì lợi ích cục bộ của đơn vị do mình quản lý nên vẫn dùng chức vụ, quyền hạn của mình để cố ý thực hiện gây thất thoát tài sản nhà nước. Do vậy bị cáo phải bị xét xử và chịu mức hình phạt tương xứng.

[4]. Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu.

[5]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo và gia đình đã khắc phục toàn bộ thiệt hại về kinh tế do bị cáo gây ra. Bản thân bị cáo trong quá trình công tác được tặng thưởng nhiều bằng khen nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p, s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bố mẹ bị cáo còn là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo, trên cơ sở phục vụ công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm và tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội, nên cần chỉ cần xử bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định của khoản 4 Điều 165 Bộ luật hình sự, thì bị cáo còn có thể bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, nhưng xét thấy bị cáo không có tài sản riêng và cũng không cần thiết phải áp dụng cấm đảm nhiệm chức vụ sau khi chấp hành xong hình phạt nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- Số tiền bị cáo và gia đình đã nộp và Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã giao trả cho Công ty là 366.720.900đ, cần xác nhận. Tuy số tiền bị cáo nộp thừa là 1.900đ, nhưng bị cáo không đề nghị lấy lại nên không phải giải quyết.

[8]. Đối với bà Vũ Thị Thu H1 là người được Nguyễn Mai S giao nhiệm vụ làm kế toán kiêm thủ quỹ của Trạm thủy nông Đoan Hùng. Bà H1 có nhiệm vụ tập hợp các chứng từ chi phí phát sinh nộp về Công ty và chi tiêu theo sự chỉ đạo của Nguyễn Mai S. Khi quyết toán 19 công trình đã được Công ty phê duyệt, Nguyễn Mai S chỉ đạo bà H1 đến Chi cục thuế huyện Đoan Hùng làm thủ tục xin cấp 19 hóa đơn bán hàng theo giá trị ghi trên hợp đồng. Sau khi được công ty thanh toán S đã chỉ đạo bà H1 nhập tiền vào quỹ và chi tiêu vào công việc chung của Trạm thủy nông Đoan Hùng như đã nêu trên. Bản thân bà H1 không bàn bạc với S để chiếm đoạt tiền nhà nước mà chỉ làm theo sự chỉ đạo của S. Đối với ông Nguyễn Hồng P và ông Trần Văn H2 là cán bộ kỹ thuật Trạm thủy nông Đoan Hùng được Nguyễn Mai S giao giám sát việc thi công các công trình và lập hồ sơ quyết toán. Bản thân ông P và ông H2 làm việc theo sự chỉ đạo của S và không biết giá trị thật của công trình là bao nhiêu mà chỉ làm hồ sơ quyết toán theo giá trị đã ghi trong hợp đồng. Ông P và ông H2 không có động cơ vụ lợi cho bản thân. Do vậy, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Phú Thọ không đề cập xử lý hình sự là đúng quy định.

[9]. Đối với 11 cá nhân ký hợp đồng thi công công trình với Nguyễn Mai S, gồm anh Nguyễn Văn L2, ông Đỗ Thế L3, ông Nguyễn Văn H4, anh Nguyễn Mạnh K, anh Nguyễn Khắc Đ1, anh Nguyễn Tiến X, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Mạnh H5, ông Hà Đức S4, ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn S5. Mặc dù số tiền thực nhận thấp hơn nhiều so với số tiền trong hợp đồng ký nhưng bản thân những người này do tin tưởng, khi ký hợp đồng không đọc, không biết số tiền cụ thể trong hợp đồng là bao nhiêu. Mặt khác, những người này không biết việc S nâng khống giá trị hợp đồng và cũng không được chia khoản tiền nào từ việc nâng khống. Do vậy Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Phú Thọ không xử lý là đúng quy định.

[10]. Đối với ông Nguyễn Hùng S2 là Cán bộ Chi cục thuế huyện Đoan Hùng được Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện Đoan Hùng phân công làm việc tại bộ phận một cửa của Chi cục thuế có nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ và cấp hóa đơn lẻ (hóa đơn bán hàng) cho khách hàng. Sau khi tiếp nhận 19 bộ hồ sơ của Trạm thủy nông huyện Đoan Hùng thấy hồ sơ đầy đủ thủ tục, ông S2 đã cấp hóa đơn bán hàng theo giá trị ghi trên 19 hợp đồng và tính thuế đầy đủ, đúng quy định nộp vào ngân sách nhà nước. Bản thân ông S2 không biết và không bàn bạc cùng Nguyễn Mai S về việc nâng khống giá trị hợp đồng. Do vậy, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Phú Thọ không đề cập xử lý là phù hợp.

[11]. Đối với các ông Nguyễn Văn D2, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S3 và Vương Đức H3 là những người được Giám đốc công ty giao nhiệm vụ nghiệm thu công trình. Quá trình nghiệm thu xác định đơn vị thi công làm theo

đúng thiết kế, đủ khối lượng, đảm bảo chất lượng. Do không biết S nâng khối lượng công việc nên những người này không đồng phạm cùng S. Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Phú Thọ không đề cập xử lý là đúng quy định.

[12]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 165, các điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mai S phạm tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” .

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Mai S 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã giao trả cho Công ty Thọ số tiền là 366.720.000đ (Ba trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Mai S phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, nguyên đơn dân sự, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Đoan Hùng;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện Đoan Hùng;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Vũ Thường